

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
LÃNH BINH THẮNG

Số: 93/BVLBT-VTTTBYT

Bình Thới, ngày 06 tháng 01 năm 2026

Về việc yêu cầu báo giá hàng hóa – Mua
sắm Máy truyền dịch lần 2

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Lãnh Binh Thăng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua sắm, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị y tế, phụ kiện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Bệnh viện Đa Khoa Lãnh Binh Thăng** – 72 đường số 5, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông: Hồ Đắc Bình – Nhân viên Phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế.

Điện thoại liên hệ: 028.38586257-119 (trong giờ hành chính)

Email liên hệ: vtttbyt.bvq11@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khu A – Lầu 3 (A3.11) Phòng Vật tư – TTBYT

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 01 năm 2026 đến trước 16h30 ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Bệnh viện Đa khoa Lãnh Binh Thăng liệt kê chi tiết danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) theo bảng sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
1	Máy truyền dịch	Phụ lục đính kèm	Cái	04

2. Cung cấp đầy đủ bản sao và bản dịch catalogue cấu hình, thông số kỹ thuật hàng hóa báo giá. Thời gian bảo hành kể từ ngày cung cấp, lắp đặt, nghiệm

thu.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại [ghi rõ dẫn chiếu] trong Bảng mô tả đính kèm theo, trong đó phải ghi rõ yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

6. Báo giá cung cấp đã bao gồm VAT.

7. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, VTTTBYT (Bình-04b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Đức Nhã

PHỤ LỤC

(Đính kèm thông báo mời chào giá số 93 /BVLBT-VTTTBYT
ngày 06 tháng 01 năm 2026)

MÁY TRUYỀN DỊCH: 04 cái

A. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: từ năm 2025 trở về sau, mới 100%
- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 và EC hoặc tương đương.
- Xuất xứ: sản xuất tại các nước thuộc G7 hoặc Châu Âu

B. Cấu hình thiết bị

- Máy chính: 01 cái
- Dây nguồn: 01 cái
- Bộ cảm biến đếm giọt: 01 cái
- Kẹp cọc truyền: 01 cái
- Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ

C. Đặc tính thông số kỹ thuật

- Có màn hình màu ≥ 4 inch
- Dải cài đặt tốc độ truyền:
 - + 3 đến 300mL/giờ (đối với dây truyền 20 giọt/mL)
 - + 1 đến 100 mL/giờ (đối với dây truyền 60 giọt/mL)
 - + Bước đặt: ≤ 1 mL/giờ
- Dải cài đặt thể tích dịch truyền:
 - + 0.10 đến 100 mL (bước đặt ≤ 0.1 mL)
 - + 100 đến 9,999 mL (bước đặt ≤ 1 mL)
- Dải cài đặt thời gian truyền: 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút)
- Dải cài đặt tốc độ truyền nhanh (Bolus) khi ấn và giữ phím:
 - + 100 đến 300 mL/giờ (đối với dây truyền 20 giọt/mL)
 - + 100 mL/giờ (đối với dây truyền 60 giọt/mL)
 - + Bước đặt ≤ 100 mL/ giờ
- Dải cài đặt thể tích dịch truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím:
 - + 0.01 đến 10 mL (bước đặt ≤ 0.01 mL)
 - + 10 đến 100 mL (bước đặt ≤ 0.1 mL)
 - + 100 đến 999 mL (bước đặt ≤ 1 mL)
- Đặt thời gian truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím: 1 giây đến 60 phút (bước đặt 1 giây)
- Dải hiển thị thể tích dịch đã truyền:
 - + 0 đến 10 mL (bước đặt ≤ 0.01 mL)
 - + 10 đến 100 mL (bước đặt ≤ 0.1 mL)
 - + 100 đến 9,999 mL (bước đặt ≤ 1 mL)

- Độ chính xác: $\pm \leq 10\%$
- Ngưỡng áp lực báo tắc đường truyền:
 - + Ngưỡng áp lực báo tắc trên: -100 đến -30 kPa
 - + Ngưỡng áp lực báo tắc dưới: 30 đến 120 kPa
 - + Có ≥ 10 mức cài đặt ngưỡng áp lực báo tắc dưới
- Tốc độ truyền nhanh: ≥ 300 mL/giờ
- Báo động trong các trường hợp:
 - + Tắc đường truyền trên
 - + Tắc đường truyền dưới
 - + Gần hết dịch
 - + Có khí trong dây truyền
 - + Cửa bơm mở
 - + Tốc độ truyền bất thường
 - + Dòng chảy tự do
 - + Hết dịch truyền
 - + Ấc quy yếu
 - + Báo động tắt máy
 - + Báo động lại
 - + Nhắc ấn phím START
 - + Chưa cài đặt tốc độ truyền
 - + Chưa cài đặt thể tích dịch định truyền
 - + Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền
 - + Hoàn thành thể tích dịch đặt trước
- Các chức năng an toàn:
 - + Chọn áp lực báo tắc đường truyền ở 10 mức
 - + Chọn độ nhạy báo động có khí trong dây truyền ở 2 mức
 - + Chức năng cài đặt phát hiện gần hết thể tích dịch truyền
 - + Đường truyền tự động bị kẹt lại khi cửa bơm mở
 - + Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm)
 - + Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng)
 - + Khóa bàn phím
 - + Chức năng giảm độ khi truyền nhanh
- Các chức năng khác:
 - + Hiển thị hướng dẫn lắp dây truyền trên màn hình LCD
 - + Hiển thị loại dây truyền đang sử dụng trên màn hình LCD.
 - + Chọn loại dây truyền dịch trên màn hình LCD
 - + Chọn thể tích giọt truyền
 - + Hiển thị thể tích giọt truyền trên màn hình LCD
 - + Cài đặt thể tích dịch truyền
 - + Cài đặt thời gian định truyền

- + Có âm báo ở chế độ truyền nhanh Purge/ Bolus
- + Xóa thẻ tích dịch đã truyền
- + Chế độ chờ Standby
- + Cài đặt thời gian chờ trong chế độ chờ
- + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động
- + Điều chỉnh âm lượng bàn phím
- + Có âm báo khi ấn nút STOP
- + Có ≥ 5 mức điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD
- + Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị
- + Cài đặt ngày giờ
- + Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ $\geq 10,000$ sự kiện
- + Phát hiện có nguồn điện lưới AC
- + Có âm báo khi phát hiện có nguồn điện lưới AC
- + Cài đặt giới hạn trên của thẻ tích Purge/ Bolus
- + Duy trì đường tiêm mở
- + Xóa dịch đã truyền khi máy vẫn đang hoạt động
- + Thay đổi tốc độ khi máy đang hoạt động
- + Chọn giai điệu chuông báo
- + Chọn bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt
- + Truyền nhanh bằng cách ấn và giữ phím
- + Chế độ truyền nhanh không cần ấn và giữ phím
- + Chức năng gọi phím tắt
- + Có âm báo khi tắt nguồn.
- Nguồn điện: Ắc quy lithium ion bên trong máy, hoạt động liên tục khoảng 5 tiếng (Ắc quy mới, nạp đầy, tốc độ truyền 25 mL/h, nhiệt độ xung quanh 25°C)
 - + Thời gian nạp ắc quy: ≥ 8 tiếng. (Khi cắm sạc và tắt nguồn)
 - + Ắc quy được nạp 80% chỉ trong vòng 3 giờ
 - + Có trang bị pin phụ Nickel-metal-hydride để cảnh báo lỗi nguồn trong trường hợp mất điện lưới và ắc quy hỏng.

D. Yêu cầu khác

- Thiết bị phải được bảo hành ít nhất 12 tháng
- Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.
- Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 10 năm